

2.2.2 Về kỹ năng:

Thông qua học phần Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2 sinh viên được tiếp tục rèn luyện khả năng giao tiếp thông qua các kỹ năng luyện âm, nghe, nói, đọc, viết.

2.2.3 Về thái độ:

- Sinh viên ý thức được tầm quan trọng và vị trí của môn học, tham gia học tập một cách tích cực, cố gắng sử dụng các kiến thức học phần vào thực tiễn sử dụng tiếng Trung.

- Sinh viên có thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong công việc, tâm lý vững vàng để có thể tự tin trong công việc trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
	Về kiến thức
CLO1	Lượng từ vựng sinh viên nắm được trong học phần này khoảng từ 800 - 1000 từ.
CLO2	Sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản .
CLO3	Sinh viên có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày.
CLO4	Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài viết chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí...
CLO5	Sinh viên có thể xử lý một số tình huống xảy ra trong giao tiếp hàng ngày.
	Về kỹ năng
CLO6	Sinh viên tiếp tục được rèn luyện kỹ năng phát âm chính xác các từ tiếng Trung.
CL7	Sinh viên được rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, kỹ năng nghe ở mức độ phức tạp hơn, số lượng từ mới nhiều hơn, chủ đề phong phú hơn..
CLO8	Sinh viên vận dụng linh hoạt các từ, các cấu trúc câu vào giao tiếp . Ngoài ra sinh viên còn được nâng cao kỹ năng làm việc theo nhóm.
	Về năng lực tự chủ và trách nhiệm
CLO7	Sinh viên có thái độ nghiêm túc, chăm chỉ, có kỷ luật trong công việc
CLO8	Sinh viên có tâm lý vững vàng để có thể tự tin trong công việc trong tương lai.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
CLO 1		I	I	I	I	I	I							
CLO 2		I	I	I	R	I	I							
CLO 3		I	I	I	R	I	I							
CLO 4		I	R	I	I	I	I							
CLO 5		I	R	I	R	I	I							
CLO 6								I	R	I	I	I	I	
CLO 7								I	R	I	I	I	I	
CLO 8								I	R	I	I	I	I	
CLO 9														R
CLO10														R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của sinh viên

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric	Liên quan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CC-TĐ)	10%			x		Theo dõi việc sinh viên tham gia lớp học phần và mức độ đóng góp tích cực cho buổi học. (Theo Rubric 1)
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	15%	A2.1. Tổng hợp kiến thức	50%		CLO 1	A2.1. Thi viết, trắc nghiệm dựa trên nội dung và mục tiêu của bài đang học (Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn)
		A2.2. Các bài trong quá trình học	50%		CLO2 CLO 3	A2.2. Thi viết, trắc nghiệm dựa trên nội dung và mục tiêu của bài đang học (Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm)
A3. Bài tập lớn: Viết, trắc nghiệm	15%	Làm các bài tập liên quan		x	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO6	Theo Rubric 2
A4. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi viết, trắc nghiệm		x	CLO 1- 9	Chấm theo đáp án Rubric 2 (Viết, trắc nghiệm)

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/B T/TL)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	第十六课:我想送他一件礼物	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Có thể phát âm chính xác, viết đúng những từ vựng phức tạp.</p> <p>+ Có thể đọc hiểu được bài khóa về chủ đề sinh nhật “我想送他一件礼物”, mô phỏng lại nội dung bài khóa và trả lời các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Vận dụng linh hoạt các từ, các cấu trúc câu vào giao tiếp hàng ngày.</p> <p>+ Làm các bài tập theo cặp, theo nhóm.</p>	<p>CLO6</p> <p>CLO4</p> <p>CLO8</p> <p>CLO9</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp, nhóm.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>- Phân chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>- Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phân chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động</p>	AI

						trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
	第十七课:我口语和听力都很好	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Có khả năng đọc hiểu, nghe ở mức độ phức tạp hơn.</p> <p>+ Có thể đọc hiểu được bài khóa về chủ đề học tập tiếng Hán “我口语和听力都很好”, mô phỏng lại nội dung bài khóa và trả lời các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Vận dụng các kiến thức ngữ pháp: ý nghĩa và cách sử dụng phó từ “才”, câu vị ngữ là cụm chủ vị, đại từ nghi vấn “怎么”... để làm bài tập liên quan.</p>	<p>CLO 7</p> <p>CLO4</p> <p>CLO 2,9</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	AI

3	第十八课:我上了四个小时的网	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Nắm được lượng từ vựng nhiều hơn, chủ đề phong phú hơn.</p> <p>+ Có thể đọc hiểu được bài khóa về chủ đề thời gian rồi “我上了四个小时的网”, mô phỏng lại nội dung bài khóa và trả lời các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Nắm được các điểm ngữ pháp quan trọng như: bổ ngữ chỉ thời lượng, động từ trùng điệp, tính từ trùng điệp</p> <p>+ Làm bài tập có liên quan đến nội dung của bài học.</p>	<p>CLO 1,2</p> <p>CLO 4</p> <p>CLO 2, 8</p> <p>CLO2,9</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	A1
4	第十九课: 暖气还没有修好	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Có thể hiểu được nội dung bài khóa và trả lời các câu hỏi có liên quan.</p> <p>+ Có thể vận dụng linh hoạt các từ, các cấu trúc</p>	<p>CLO 4</p> <p>CLO2,8</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước</p>	A1

			<p>ngữ pháp vào giao tiếp và xử lý một số tình huống xảy ra trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>+ Vận dụng các điểm ngữ pháp như: bổ ngữ kết quả, ý nghĩa và cách sử dụng của phó từ “只好”, giới từ “给”....để làm bài tập liên quan đến nội dung của bài theo cặp, theo nhóm.</p>	CLO 8,9	<p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp:</p> <p>Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	
5	第二十课: 快餐可以送到家里	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Có khả năng phát âm chính xác, viết đúng các từ ngữ trong bài.</p> <p>+ Biết vận dụng những từ vựng và cấu trúc câu đã học để nói về chủ đề dịch vụ giao hàng nhanh.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức về ngữ pháp: bổ ngữ kết quả, số từ ước lượng, cấu trúc 又....又....để làm</p>	<p>CLO1,6</p> <p>CLO2,8</p> <p>CLO8,9</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;</p> <p>Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi</p>	A2

			bài tập liên quan.		<p>đẫn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên tự học 	<p>nghe giảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra 	
6	第二十一课：我把袋子放在桌子上	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có khả năng nâng cao kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng nghe ở mức độ phức tạp hơn. + Có thể đọc hiểu và lấy thông tin từ bài khóa về chủ đề “我把袋子放在桌子上了” để trả lời các câu hỏi liên quan và mô phỏng lại đoạn hội thoại với bạn bè. + Nắm được các điểm ngữ pháp cơ bản: so sánh bằng “跟....一样”, cấu trúc câu chữ “把”... + Làm bài tập liên quan đến nội dung của bài theo cặp, theo nhóm. 	<p>CLO 7</p> <p>CLO7,4</p> <p>CLO2,8</p> <p>CLO9</p>	<ul style="list-style-type: none"> - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Sinh viên tự học 	<ul style="list-style-type: none"> - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động 	

						trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
7	第二十二课：我的自行车是红色的	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Vận dụng những từ vựng và cấu trúc về chủ đề miêu tả đồ vật “我的自行车是红色的” vào thực tế hàng ngày.</p> <p>+ Có thể hiểu được nội dung bài khóa và trả lời các câu hỏi có liên quan.</p> <p>+ Nắm được những điểm ngữ pháp quan trọng: 名词、代词、动词、形容词 + “的”字短语, phân biệt cách sử dụng của “有点儿” và “一点儿”, phó từ “才”... để làm bài tập liên quan đến nội dung của bài theo cặp, theo nhóm.</p>	<p>CLO 2,4</p> <p>CLO4</p> <p>CLO 2,8,9</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng</p>	

						viên đưa ra	
8	第二十三课：今年冬天变冷了	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Nắm được các từ vựng, hiểu tường tận bài đọc, có thể nhanh chóng xác định được thông tin cần thiết trong bài đọc để trả lời các vấn đề liên quan</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức ngữ pháp như: số ước lượng, phó từ “才”, trợ từ ngữ khí “了” để làm các bài tập có liên quan.</p>	<p>CLO 2,4</p> <p>CLO 2,8,9</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;</p> <p>Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp:</p> <p>Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	
9	第二十四课：妈妈给我寄来了礼物	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Có thể đọc hiểu và lấy thông tin từ bài khóa về chủ đề “妈妈给我寄来一份礼物” để trả lời các câu</p>	<p>CLO 2,3,4</p>	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;</p>	

			<p>hỏi liên quan và mô phỏng lại nội dung bài khóa.</p> <p>+ Nắm được các điểm ngữ pháp: cách sử dụng từ “为了”, “如果”, câu tồn hiện, câu chữ “把”....</p> <p>+ Làm bài tập liên quan đến nội dung của bài theo cặp, theo nhóm.</p>	<p>CLO2,8</p> <p>CLO9</p>	<p>cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn</p> <p>- Sinh viên tự học</p>	<p>Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng</p> <p>- Phần chuẩn bị trên lớp:</p> <p>Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra</p>	
10	第二十五课: 我听不懂他们说的话	1+2	<p>Sinh viên có khả năng:</p> <p>+ Có thể đọc hiểu và lấy thông tin từ bài khóa về chủ đề “我听不懂他们说的话” để trả lời các câu hỏi liên quan, và vận dụng từ vựng và cấu trúc trong bài vào giao tiếp thực tế.</p> <p>+ Vận dụng các điểm ngữ pháp: động từ, cụm động từ, cụm chủ vị làm định</p>	CLO 2,3,4	<p>- PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.</p> <p>- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector</p>	<p>- Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;</p> <p>Đọc trước nội dung và tra từ mới;</p> <p>Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề</p>	

			ngữđể làm tập liên quan theo cặp, theo nhóm.	CLO 2,8,9	đề hướng dẫn - Sinh viên tự học	xuất khi nghe giảng - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra	
11	第二十六课: 圣诞节快到了		Sinh viên có khả năng: + Biết vận dụng những từ vựng và cấu trúc câu trong bài để nói về chủ đề giáng sinh , và trả lời các câu hỏi liên quan. + Vận dụng những kiến thức về ngữ pháp: cấu trúc “快要...了”, động từ ly hợp, từ “要是” ...để làm bài tập liên quan.	CLO 2,3,4 CLO 2,8,9			
12	第二十七课: 我正在看电视呢		+ Nắm bắt được nội dung bài khóa về chủ đề thói quen và sở thích hàng ngày	CLO 2,3,4			

			<p>“我正在看电视呢”, mô phỏng lại được nội dung bài khóa, trả lời được các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Vận dụng các điểm ngữ pháp: cấu trúc “一边...一边”, “正在..呢”, đại từ chỉ nơi chốn “那儿、这儿”....để làm các bài tập liên quan.</p>	CLO 2,8,9			
13	第二十八课: 长城有八千八百五十多公里		<p>+ Nắm bắt được nội dung bài khóa về chủ đề Vạn Lý Trường Thành “长城有八千八百五十多公里”, mô phỏng lại được nội dung bài khóa, trả lời được các câu hỏi liên quan.</p> <p>+ Vận dụng các điểm ngữ pháp: số từ ước lượng “多”+ 十、百、千、万, cách dùng từ “通过”....để làm các bài tập liên quan.</p>	CLO 2,3,4 CLO 2,8,9			
14	第二十九课: 晚会开得非常成功		<p>+ Nắm được các từ vựng, hiểu tường tận bài đọc, có thể nhanh chóng xác định được thông tin cần thiết trong bài đọc để trả lời các vấn đề liên quan</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức ngữ pháp như: bổ ngữ tình thái, ý nghĩa và cách</p>	CLO 2,3,4 CLO			

			sử dụng “可能”.....để làm các bài tập có liên quan.	2,8,9			
15	第三十课：我当过英语老师		+ Có thể hiểu được nội dung bài khóa và trả lời các câu hỏi có liên quan. + Có thể vận dụng linh hoạt các từ, các cấu trúc ngữ pháp vào giao tiếp và xử lý một số tình huống xảy ra trong cuộc sống hàng ngày. +Vận dụng các điểm ngữ pháp như: cấu trúc “当...的时候”, “V+过”.....để làm bài tập liên quan đến nội dung của bài theo cặp, theo nhóm.	CLO 4 CLO2,8 CLO 2,8,9			
11	Kiểm tra cuối kì (Theo lịch thi)			CLO 1-10			A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	荣继华	2011	发展汉语（第二版）初级综合 1	北京语言大学出
Sách, giáo trình tham khảo				
2	杨寄州主编	2005	中级汉语教材	北京语言出版社
3	刘珣主编	2010	新实用汉语课本	北京语言大学出版社

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp	Projector, loa, màn hình máy chiếu	01	Tất cả các bài học
2	Phòng lab			Luyện giải đề trên máy tính

9. Rubric đánh giá

Theo Phụ lục 1

Trưởng khoa

Q. Trưởng bộ môn

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021
 Người biên soạn

TS. Nguyễn Đình Hùng

ThS. Lê Thị Như Thủy

ThS. Lại Thị Mỹ Hương